

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh: số 19/CTĐT-UBND ngày 18/03/2021 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án “Showroom ô tô PGS Hà Tĩnh”; số 357/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Showroom ô tô PGS Hà Tĩnh”;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về việc ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Văn bản: số 6224/TTr-STNMT ngày 30/12/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty TNHH Đầu tư PGS Hà Tĩnh tại Văn bản số 03/PGS ngày 17/5/2024; ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Văn bản số 2515/STNMT-MT ngày 11/6/2024; các Văn bản của Công ty TNHH Đầu tư PGS Hà Tĩnh: số 46/PGS ngày 25/12/2024, số 78/PSG ngày 22/01/2025); ý kiến đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh qua biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư PGS Hà Tĩnh (địa chỉ: Km 504+380 Quốc lộ 1, xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Showroom ô tô PGS Hà Tĩnh” tại xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Showroom ô tô PGS Hà Tĩnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Km 504+380 Quốc lộ 1, xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002216842 đăng ký lần đầu ngày 11/01/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/03/2024 do Sở Kế

hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh cấp; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DL 938518 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3002216842.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Buôn bán ô tô và xe động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư:

a) Phạm vi, quy mô:

Showroom ô tô PGS Hà Tĩnh, tại xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh được đầu tư xây dựng trên diện tích đất 19.915,3m² (Theo GCNQSD đất số DL 938518 UBND tỉnh cấp ngày 12/09/2023), bao gồm các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính, gồm: Khu điều hành, văn phòng (3 tầng); Showroom trưng bày; Khu điều hành Showroom; Khu điều hành, Văn phòng; Nhà xưởng, kho; khu nghỉ công nhân, nhà ăn; Khu vực để xe ngoài trời cho khách hàng; Nhà để xe; Khu vực rửa xe; Bãi tập kết xe bàn giao.

- Hạng mục công trình phụ trợ, gồm: Lối ra vào; Nhà bảo vệ 1; Nhà bảo vệ 2; Bảng thương hiệu; Trạm biến áp; Sân đường nội bộ.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường, gồm: Khu xử lý nước thải và PCCC; cây xanh cảnh quan; nhà tập kết rác thải.

b) Công suất: dự kiến số lượng ô tô trưng bày tối đa khoảng 120 chiếc với các hãng ô tô (như: Ford, Toyota, Hyundai, KIA); Buôn bán ô tô và xe động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm Giấy phép này.

Điều 2. Công ty TNHH Đầu tư PGS Hà Tĩnh (đơn vị đề xuất), UBND huyện Thạch Hà (đơn vị phối hợp, kiểm tra, giám sát), Hội đồng thẩm định (theo Quyết định số 119/QĐ-STNMT ngày 22/5/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, tham mưu, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và văn bản nêu trên, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH đầu tư PGS Hà Tĩnh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;
2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5 Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ban hành.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Thạch Hà (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thạch Hà) tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án “Showroom ô tô PGS Hà Tĩnh” tại xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB phụ trách NN;
- Công ty TNHH đầu tư PGS Hà Tĩnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân và nước tiểu).
- Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động tắm rửa tay chân, nhà bếp, nhà ăn,... của cán bộ nhân viên.
- Nguồn số 3: Nước thải từ khu vực rửa sàn xưởng, rửa xe.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:

01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung xả ra mương thoát nước khu vực về sông Vách Nam.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Vách Nam thuộc xã Thạch Thanh (nay là Thị trấn Thạch Hà), huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2033562$, $Y(m) = 0535779$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $18,5m^3/ngày.đêm$ (tương đương $0,77m^3/giờ$).

2.2.4. Phương thức, chế độ xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$) được bơm theo đường ống nhựa uPVC D90 dài 48m đặt ngầm dưới đất chảy vào mương thoát nước khu vực (bằng bê tông, kích thước $D_xR_xH = 500m \times 0,4m \times 0,6m$), dẫn ra sông Vách Nam theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục.

2.2.5. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$), cụ thể như sau:

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$)
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108
4	COD	mg/l	162
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,54
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8
7	Tổng Ni tơ	mg/l	43,2
8	Tổng Photphos	mg/l	6,48
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8
10	Sắt	mg/l	5,4
11	Tổng Coliforms	CFU/ 100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân và nước tiểu) được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại: $V_1 = 3,96m^3$, kích thước $D \times R \times H = (2,2 \times 1,5 \times 1,2)m$ và $V_2 = 5,04m^3$, kích thước $D \times R \times H = (2,2 \times 1,5 \times 1,2)m$, qua đường ống PVC D110 dài 110m dẫn vào hố thu gom có $V = 11,4m^3$, kích thước $D \times R \times H = (3,8 \times 1,0 \times 3,0)m$ và đấu nối về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, sau đó qua bể khử trùng và ra mương thoát nước chảy về nguồn tiếp nhận.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà bếp, nhà ăn, rửa tay của công nhân từ xưởng sản xuất, khu điều hành... được thu gom qua song chắn rác, dẫn vào hố thu gom có $V = 11,4m^3$, kích thước $(D \times R \times H) = (3,8 \times 1,0 \times 3,0)m$ và đấu nối về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, sau đó qua bể khử trùng và ra mương thoát nước chảy về nguồn tiếp nhận.

- Nguồn số 3: Nước thải từ khu vực rửa sàn xưởng, rửa xe qua song chắn rác được dẫn bằng đường ống PVC D160 dài 5m vào bể tách dầu mỡ, sau đó thoát bằng đường ống uPVC D200 dài 20m và đấu nối về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, sau đó qua bể khử trùng và ra mương thoát nước chảy về nguồn tiếp nhận.

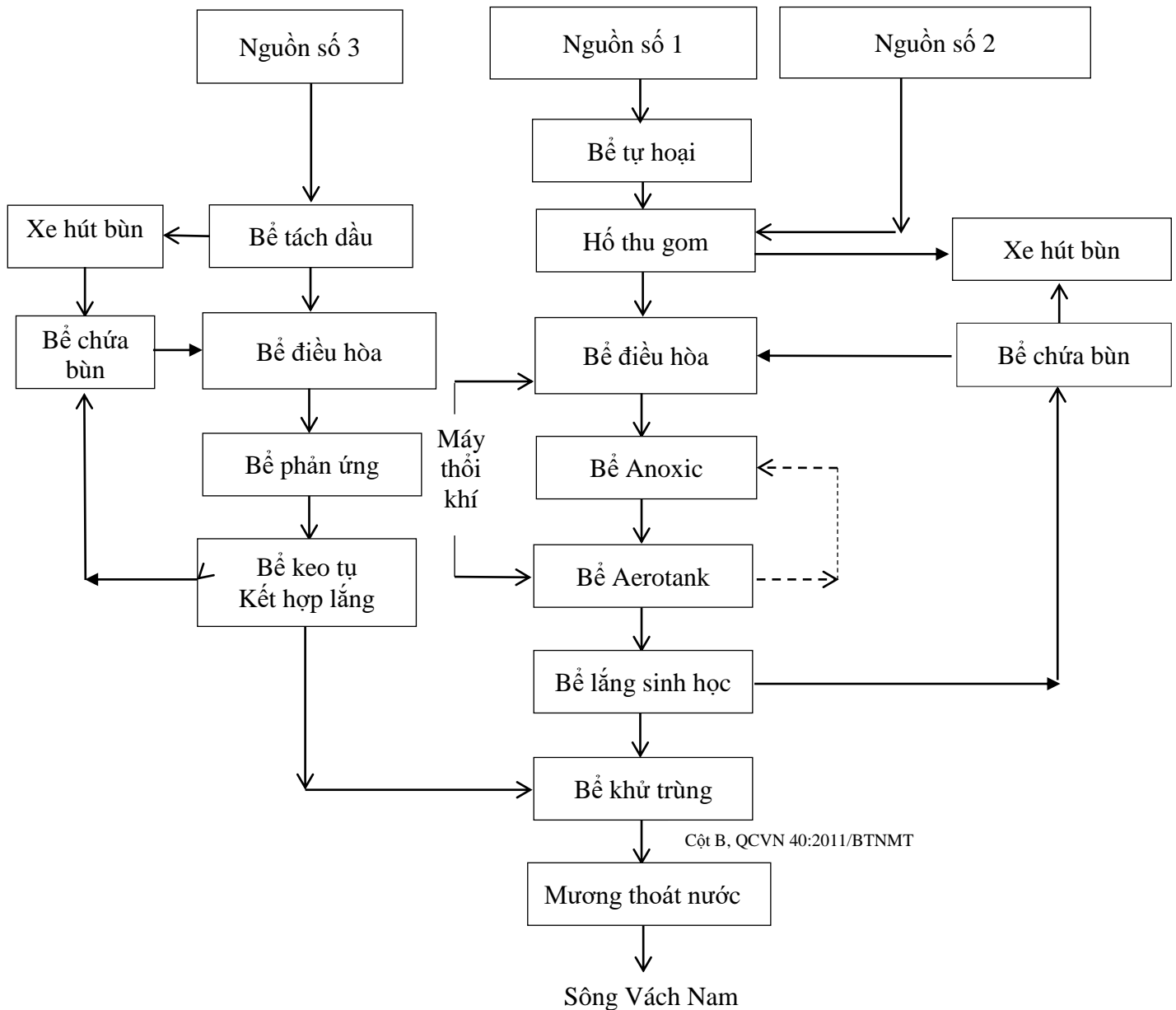
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ:

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01, 02): Nước thải từ nguồn số 1 chảy qua bể tự hoại, sau đó nhập chung với nước thải từ nguồn số 2 tại hố thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương thoát nước → Sông Vách Nam.

- Nước thải sản xuất (nguồn số 03) qua bể tách dầu → Bể điều hòa → Ngăn phản ứng → Bể keo tụ kết hợp lắng → Bể khử trùng → Mương thoát nước → Sông Vách Nam.

* Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án, như sau:



Thuyết minh quy trình vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung:

1) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

- *Bể tự hoại:* Bể tự hoại cải tiến với các vách ngăn mỏng và ngăn lọc kỵ khí gọi tắt là bể BASTAF được thiết kế với thời gian lưu nước ít nhất 2 ngày, nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải.

- *Hồ thu gom:* Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại dẫn vào bể thu gom. Bố trí 02 máy bơm nước thải từ bể thu gom lên bể điều hòa.

- *Bể điều hòa:* Bể điều hòa đóng vai trò trung chuyển cuối cùng trước khi vào hệ thống xử lý chính, đồng thời giúp điều hòa nước thải về lưu lượng cũng như chất lượng, tránh tình trạng tăng tải cục bộ vào các thời điểm khác nhau. Tại

bể điều hòa bố trí hệ thống sục khí (O₂ bơm nước thải hoạt động luân phiên với lưu lượng ổn định đến bể thiếu khí/Anoxic) nhằm xáo trộn nước thải cũng như hạn chế hiện tượng yếm khí, phân hủy chất hữu cơ gây mùi khó chịu. Nước thải sau khi qua bể điều hòa sẽ tự chảy vào bể thiếu khí.

- *Bể thiếu khí Anoxic*: Tại bể thiếu khí diễn ra quá trình nitrat hóa và Photphorit để xử lý N, P. Bố trí máy khuấy chìm với tốc độ khuấy phù hợp. Máy khuấy có chức năng khuấy trộn dòng nước tạo ra môi trường thiếu oxy cho hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển. Nước sau xử lý tại bể thiếu khí (Anoxic) sẽ tự chảy tràn sang bể hiếu khí.

- *Bể hiếu khí Aerotank*: Bể hiếu khí Aerotank có nhiệm vụ chuyển hóa các hợp chất hữu cơ thành metan và các sản phẩm hữu cơ khác. Bể xử lý sinh học hiếu khí có chế độ hoạt động liên tục, xử lý chất bẩn hữu cơ trong nước thải bằng vi sinh vật hiếu khí bám dính trên các giá thể lắp cố định bên trong bể.

- *Bể lắng sinh học*: Tại đây các cặn lơ lửng sẽ lắng trọng lực xuống đáy bể, phần nước sau lắng phía trên sẽ tự gạn sang bể khử trùng bằng đường ống nhựa uPVC D110 dài 0,5m.

- *Bể chứa bùn*: Bùn dư được phân hủy và chứa trong bể chứa bùn. Bùn thải sẽ được Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và vận chuyển xử lý theo đúng quy định. Nước thải ở bể chứa bùn sẽ được dẫn về bể điều hòa bằng đường ống uPVC D110 dài 3m bằng hình thức tự chảy.

- *Bể khử trùng*: Nước thải chảy qua thiết bị chứa Chlorine bằng hệ thống bơm định lượng tự động, được khử trùng nhằm tiêu diệt các vi sinh vật gây hại trước khi thoát ra môi trường, chảy về nguồn tiếp nhận.

2) Hệ thống xử lý nước thải sản xuất:

- *Bể tách dầu*: Đối với nước thải sản xuất có chứa dầu, nhớt, mỡ, được thu gom bằng hệ thống thoát nước bằng đường ống PVC D160 dài 5m dẫn qua bể tách dầu, đồng thời kết hợp tách cặn lắng.

- *Bể điều hòa*: Bể điều hòa đóng vai trò trung chuyển cuối cùng trước khi vào hệ thống xử lý chính, đồng thời giúp điều hòa nước thải về lưu lượng cũng như chất lượng, tránh tình trạng tăng tải cục bộ vào các thời điểm khác nhau. Tại bể điều hòa bố trí hệ thống sục khí (O₂ bơm nước thải hoạt động luân phiên với lưu lượng ổn định đến ngăn phản ứng).

- *Bể phản ứng*: Nước thải sau khi được trộn phèn được dẫn vào bể phản ứng vách ngăn, tại đây tạo ra sự đổi chiều liên tục của dòng nước, tạo ra hiệu quả khuấy trộn và giúp cho các hạt cặn kết bông tạo thành các bông cặn lớn dễ lắng.

- *Bể keo tụ kết hợp lắng*: Khuấy trộn nước thải rửa xe cùng với các hóa chất chuyên dụng (PAC, Polymer, chất điều pH) để các chất lơ lửng tạo bông tạo ra độ nặng để lắng xuống đáy bể.

- *Bể chứa bùn*: Bùn dư được phân hủy và chứa trong bể chứa bùn. Bùn thải sẽ được Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và vận chuyển xử lý theo đúng quy định. Nước thải ở bể chứa bùn sẽ được dẫn về bể điều hòa bằng đường ống uPVC D110 dài 3m bằng hình thức tự chảy.

- *Bể khử trùng (dùng chung với bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt)*: Nước thải chảy qua thiết bị chứa Chlorine bằng hệ thống bơm định

lượng tự động, được khử trùng nhằm tiêu diệt các vi sinh vật gây hại trước khi thoát ra môi trường, chảy về nguồn tiếp nhận.

* Kết cấu và kích thước các công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

- Hệ thống xử lý nước thải được xây bằng gạch đá với tổng diện tích 50m²; hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt tại vị trí số 13, phía Tây Nam Dự án.

- Kết cấu các bể, gồm: Thành bể được xây bằng đá, bờ thành dày 25cm, có màng chống thấm HDPE dày 2mm; đáy bể có các lớp: Bê tông dày 25cm, màng chống thấm HDPE dày 2mm.

- Chi tiết kích thước các công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải như sau:

TT	Tên công trình	Số lượng	Thể tích (m ³)	Kích thước DxRxH (m)	Thời gian lưu (giờ)
I	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt				
1	Bể tự hoại 1 tại khu vực nhà công nhân	01	3,96	2,2x1,5x1,2	48
2	Bể tự hoại 2 tại khu vực nhà điều hành	01	5,04	2,8x1,5x1,2	48
3	Hố thu gom	01	5,4	1,8x1,0x3,0	
4	Bể điều hòa	01	3,9	1,3x1,0x3,0	24
5	Bể Anoxic	01	3,12	1,3x0,8x3,0	10
6	Bể Aerotank	01	5,4	0,9x2,0x3,0	12
7	Bể lắng	01	2,7	0,9x1,0x3,0	5
8	Bể chứa bùn	01	4,32	1,8x0,8x3,0	-
9	Bể khử trùng	01	3,6	0,8x1,5x3,0	
II	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất				
1	Bể tách dầu tại khu vực nhà xưởng và nhà bếp	01	4	2,2 x 1,5 x 1,2	1,5
2	Bể tách dầu 2 tại khu vực rửa xe	01	6	2,5 x 2 x 1,2	1,5
3	Bể điều hòa	01	3,9	1,3x1,0x3,0	24
4	Bể phản ứng	01	2,7	0,9x1,0x3,0	5
5	Bể keo tụ kết hợp lắng	01	2,7	0,9x1,0x3,0	5
6	Bể chứa bùn	01	3,36	1,4x0,8x3,0	-
7	Bể khử trùng (sử dụng chung với bể khử trùng của NTSH)	01	3,6	0,8x1,5x3,0	

1.2.2. Công suất thiết kế:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Công suất 15m³/ngày.đêm

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Công suất 5m³/ngày.đêm

1.2.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO 10%: 29 kg/ngày; PAC: 33 kg/ngày; NaOH: 21 kg/ngày; Polymer: 25 kg/ngày; H₂SO₄: 17kg/ngày.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ đúng quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải nhằm mục đích đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng kỹ thuật, an toàn, hiệu quả.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Hàng ngày, nhân viên vận hành ghi vào sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí cán bộ được đào tạo đáp ứng yêu cầu phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí kinh phí hàng năm để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có thể xảy ra.

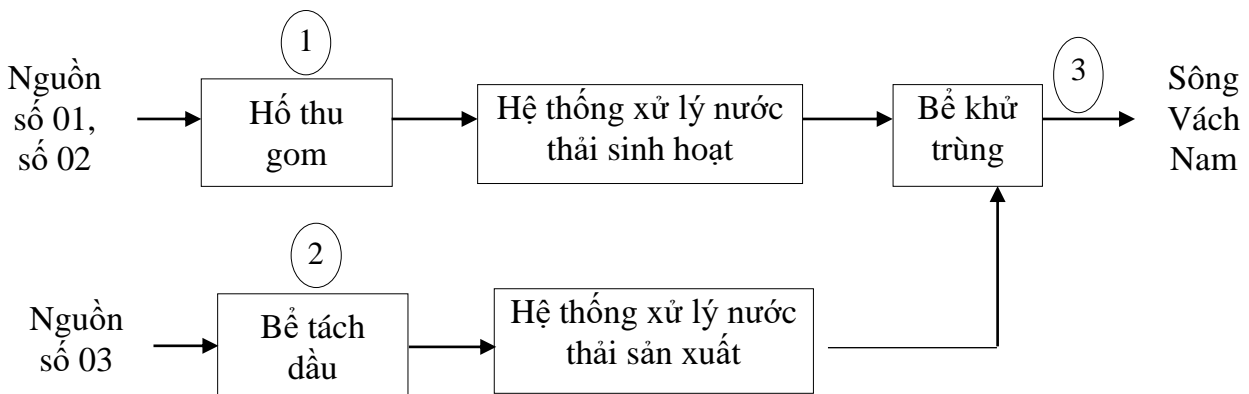
- Vận hành và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; chuẩn bị phương án dự phòng trường hợp hư hỏng trang máy móc, thiết bị.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến từ ngày 15/01/2025 đến ngày 15/3/2025. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m³/ngày.đêm và Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 5m³/ngày.đêm.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu:



- Vị trí số 01: Lấy mẫu đầu vào nước thải sinh hoạt trước xử lý (tại hồ thu gom trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X(m) = 2033762, Y(m) = 0533725 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰).

- Vị trí số 02: Lấy mẫu đầu vào nước thải sản xuất trước xử lý (tại bể tách dầu trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X(m) = 2033760, Y(m) = 0533727 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰).

- Vị trí số 03: Lấy mẫu đầu ra nước thải sau xử lý, trước khi thải ra môi trường (tại vị trí xả thải, sau bể khử trùng). Tọa độ vị trí lấy mẫu: X(m) = 2033768; Y(m) = 0535723 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰).

2.2.2 Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường,

việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định nêu trên và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, hệ thống xử lý nước thải tập trung. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 02

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH BỤI, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- + Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.
- + Nguồn số 02: Khí thải, mùi hôi phát sinh từ mương thu gom, mương thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải và từ khu vực nhà tập kết rác.
- + Nguồn số 03: Khí thải từ hoạt động phun sơn.
- + Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa xe.
- + Nguồn số 05: Bụi từ hoạt động gò, hàn, sửa chữa thân vỏ.

2. Dòng và vị trí xả bụi, khí thải:

2.1. Dòng bụi, khí thải từ các nguồn (số 01, số 02): là các nguồn thải phân tán, không liên tục nên không xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả bụi, khí thải.

2.2. Dòng khí thải phát sinh từ các nguồn (số 03, số 04, số 05):

2.2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải, có tọa độ X = 2033691 (m); Y = 0535629 (m) (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰).

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 18.000m³/giờ (theo công suất của quạt hút).

- Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả thải ra môi trường theo phương thức cưỡng bức bởi quạt hút.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_p=1,0, K_v=1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K _p = 1, K _v = 1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	216	Không thuộc đối tượng
2	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	1.080	
3	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	540	
4	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	8,1	
5	Nito oxit (NO _x tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	918	
6	Hơi dung môi (Toluen)	mg/Nm ³	-	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

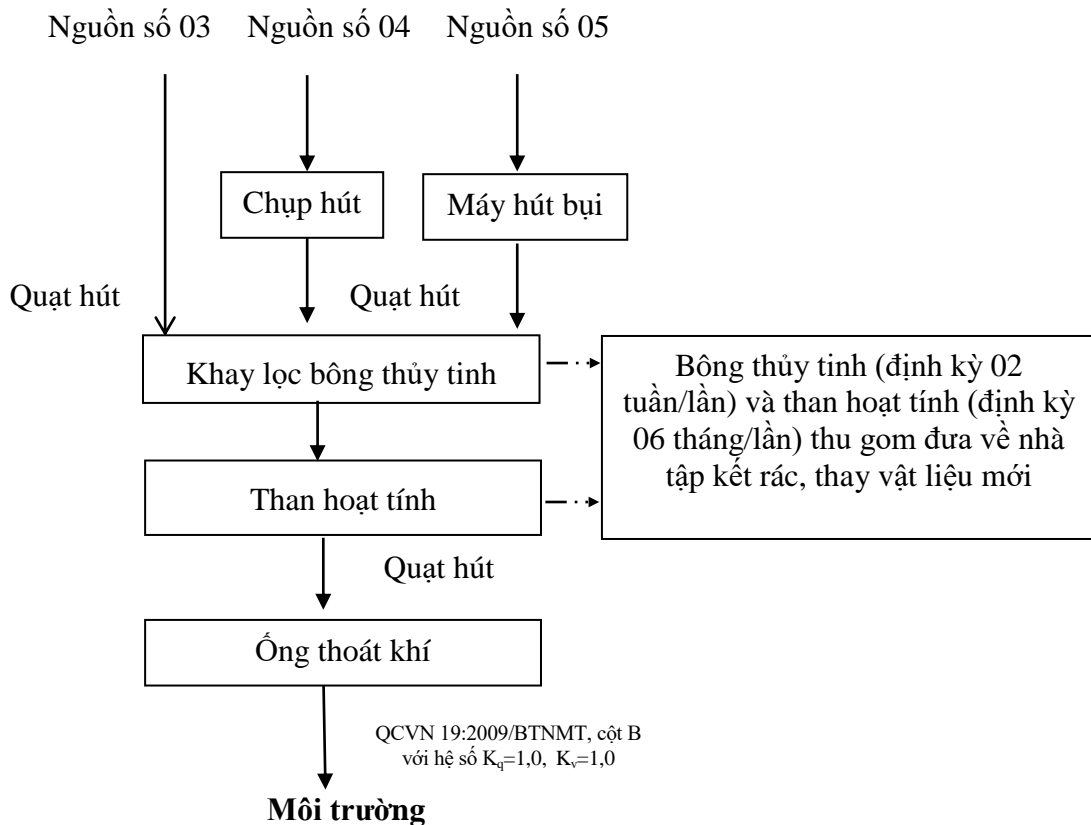
1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Đối với khí thải:

1.1.1. Mạng lưới thu gom, công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ các nguồn (số 03, số 04, số 05) → đường ống gió Tole → Khay lọc bông thủy tinh → Than hoạt tính → Ống thoát khí → Thải ra môi trường.

- Sơ đồ quy trình công nghệ như sau:



- Kết cấu, thông số kỹ thuật các công trình, thiết bị thu gom, xử lý bụi, khí thải, cụ thể như sau:

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống dẫn khí thải từ buồng phun sơn đến hệ thống	01 bộ	Ống gió Tole 0,75mm tròn gân xoắn D200 dài 12m về hệ thống xử lý khí thải.
2	Đường ống dẫn khí thải từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa xe đến hệ thống xử lý	01 bộ	Ống gió Tole 0,75mm tròn gân xoắn D200 dài 10m về hệ thống xử lý khí thải.
3	Đường ống dẫn khí thải từ quá trình gò hàn,... đến hệ thống xử lý	01 bộ	Ống gió Tole 0,75mm tròn gân xoắn D200 dài 10m về hệ thống xử lý khí thải.
4	Tủ hút LM1	01 cái	Lưu lượng gió 18.000 m ³ /h; mô tơ

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
			7,5HP, 01 quạt ly tâm
5	Tủ thổi LM1	01 cái	Lưu lượng gió 18.000 m ³ /h, mô tơ 7,5 HP, 01 quạt ly tâm
6	Quạt đẩy hút	01 cái	18.000 m ³ /h/quạt
7	Hệ thống hút bụi sơn Rupes HE 900	01 HT	Điện áp: 380V/3PH 50Hz - Công suất máy: 8.5 KW - Lưu lượng lớn nhất: 1050 m ³ /h - Áp suất hút: 200mbar - Bình chứa bụi: 80 L - Kích thước: 1220x780x1500 mm
8	Hệ thống chụp hút khí thải động cơ	01 HT	- Ống có đường kính 150mm, dài 5m; chịu nhiệt độ đến 500 ⁰ C. - Quạt hút 1,5 HP. - Công suất : 1.5 kw, 380 w - Thiết bị chứa bụi: 600x600x400
9	Ống thoát khí	01	Chiều cao cách mặt đất là 3,5m

*** Thuyết minh quy trình xử lý khí thải :**

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 03 sẽ được tủ hút khí thải đặt ở buồng phun sơn qua đường ống dẫn gió Tole 0,75mm tròn gân xoắn D200 dài 12m về hệ thống xử lý khí thải đặt cạnh buồng phun sơn.

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 04 sẽ được hệ thống chụp hút khí thải đặt tại mỗi cầu nâng (có hệ thống quạt hút) qua đường ống dẫn gió Tole 0,75mm tròn gân xoắn D200 dài 10m về hệ thống xử lý khí thải đặt cạnh buồng phun sơn.

- Khí thải phát sinh từ nguồn số 05 sẽ được thu gom bằng máy hút bụi qua đường ống dẫn gió Tole 0,75mm tròn gân xoắn D200 dài 10m về hệ thống xử lý khí thải đặt cạnh buồng phun sơn.

- Tại Hệ thống xử lý khí thải: Đây là một dạng thiết bị xử lý khí bụi bằng phương pháp hấp thụ. Khi lượng bụi phát sinh, qua lực hút của quạt, áp dụng nguyên lý lực ly tâm để tách các bụi ra khỏi dòng không khí. Sau đó, bụi tiếp xúc với lưới lọc (bông thủy tinh có chứa than hoạt tính), lúc này bụi bị giữ lại trong lưới lọc. Không khí sạch được thoát ra ngoài thông qua ống khói. Sau một thời gian hấp phụ, khả năng hấp phụ của lưới lọc (bông thường và bông thủy tinh) sẽ giảm xuống, khi đó cần thiết phải thay bằng một lớp lưới lọc mới. Định kỳ 2 tuần/lần nhân viên phòng sơn sẽ thay bông thủy tinh mới và thay than hoạt tính định kỳ 6 tháng/lần. Bông thủy tinh và than hoạt tính thải loại được thu gom, lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại; sau đó, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

1.1.2. Công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

1.1.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng:

- Bông thủy tinh: Khoảng 5kg/lần, tần suất thay 2 tuần/lần.
- Than hoạt tính: Khoảng 20 kg/lần, tần suất thay 6 tháng/lần.

1.2. Đối với bụi, khí thải từ các nguồn số 01, số 02:

- Vệ sinh sạch sẽ trong khuôn viên khu xử lý, phun nước giữ ẩm trên sân đường nội bộ với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày (vào thời điểm trời khô, nắng).
- Các phương tiện ra vào đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Máy móc và trang thiết bị hoạt động sản xuất trong dự án được đầu tư đồng bộ, đạt các Tiêu chuẩn kỹ thuật về tiết kiệm nhiên liệu, điện năng.
- Cây xanh được trồng theo quy hoạch hàng rào xung quanh khu xử lý và xen kẽ các hạng mục công trình, hài hòa giữa các khu chức năng.
- Thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt kịp thời khi chuyển về, không để tồn đọng dài ngày nhằm hạn chế mùi hôi và giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường do sự phát triển côn trùng, vi sinh vật.
- Định kỳ kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, nạp đầy hố gas; Định kỳ 1 tuần/lần phun chế phẩm sinh học tại các vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt, tại hệ thống xử lý nước thải tập trung,... để giảm mùi hôi.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố về bụi, khí thải:

- Định kỳ tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Tuân thủ quy trình vận hành của từng công đoạn và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý bụi, khí thải sản xuất, kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng mà nhà cung cấp thiết bị khuyến cáo.
- Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường, vận hành hệ thống xử lý khí thải phải được đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý; bảo trì bảo dưỡng thiết bị; ứng phó sự cố.
- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này thì dừng nạp chất thải và khẩn trương thực hiện sửa chữa, khắc phục theo quy trình ứng phó sự cố đã xây dựng cho đến khi hoàn thành việc khắc phục thì mới hoạt động tiếp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến từ ngày 15/01/2025 đến ngày 15/3/2025. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Công trình xử lý khí thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải, tọa độ vị trí lấy mẫu X (m) = 2033691, Y(m) = 0535629 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2.2.2 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thường xuyên vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại Dự án theo yêu cầu tại mục 1 phần B Phụ lục này;

3.2. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động làm phát tán bụi, khí thải của Dự án gây ra./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 03

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện ra vào dự án.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ hoạt động của các máy móc trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng, phun sơn.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ hoạt động của máy phát điện dự phòng
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ hoạt động của máy bơm vận hành hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn chính (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°), cụ thể:

- + Nguồn số 1: nguồn phân tán.
- + Nguồn số 2: Tọa độ X(m) = 2033768; Y(m) = 0535723.
- + Nguồn số 3: Tọa độ X(m) = 2033630; Y(m) = 0535746.
- + Nguồn số 4: Tọa độ X(m) = 2033593; Y(m) = 0535820.

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung tại các khu vực trong nhà máy phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giá trị giới hạn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	01 lần/năm	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	01 lần/năm	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bảo dưỡng, bảo trì định kỳ các thiết bị, máy móc, phương tiện phục vụ

hoạt động của dự án nhằm hạn chế các nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đặc điểm công việc.
- Lắp đặt các tấm đệm làm bằng cao su ở chân các dây chuyền, máy móc phát sinh ra tiếng ồn và máy bơm nước nhằm làm giảm chấn động do thiết bị gây nên.
- Thường xuyên kiểm tra và cố định lại các múi nối của khung đỡ quạt hút của Hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Trồng và quản lý hệ thống cây xanh trong khuôn viên khu xử lý theo đúng quy hoạch được phê duyệt, nhằm giảm đến mức thấp nhất tiếng ồn phát ra từ hoạt động sản xuất của khu xử lý và giảm ô nhiễm môi trường không khí xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 04

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh.

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu phanh thải	15 01 07	NH	1.000
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu	18 02 01	KS	150
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	05
4	Bao bì kim loại cứng (thùng phuy đựng dầu, hộp đựng sơn,..) thải	18 01 02	KS	400
5	Bao bì nhựa cứng (vỏ hộp, can đựng dầu, hộp đựng sơn,...) thải	18 01 03	KS	350
6	Các thiết bị, linh kiện, bộ phận thải khác nhiễm thành phần nguy hại (vòng bi, chi tiết máy nhiễm dầu mỡ....)	15 01 09	NH	650
7	Cặn sơn, sơn và vecni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	KS	250
8	Hộp chứa mực in thải	08 02 08	TT	05
9	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	200
10	Pin, ắc quy thải	16 01 12	TT	300
11	Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)	08 03 01	KS	405
12	Dung môi tẩy sơn hoặc vecni thải	08 01 05	NH	100
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	160
14	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	02 05 01	-	9,88
Tổng cộng				3.984,88

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

- Săm lốp ô tô, các phụ tùng thay thế phần máy, gầm, đầu mẫu sắt vụn thừa không bám dính dầu mỡ, mặt kim loại, nút, da, xốp,...: khối lượng phát sinh khoảng 5,0 kg/ngày (tương đương với khoảng 1.825m³/năm).

- Nilon, bìa catong, dây nhựa không bám dính dầu mỡ: khối lượng phát sinh khoảng 2,0kg/ngày (tương đương với khoảng 730m³/năm).

- Bùn từ nạo vét mương thoát nước: khối lượng phát sinh khoảng 1,0m³/lần nạo vét/06 tháng.

- Bùn cặn từ bể tự hoại nhà vệ sinh: khối lượng phát sinh khoảng 0,021 kg/ngày (tương đương với khoảng 7,665 m³/năm).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (gồm: Giấy báo, thùng carton, túi nilon, thực phẩm dư thừa...): khối lượng phát sinh khoảng 35kg/ngày (tương đương với khoảng 12.775m³/năm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS):

2.1.1. Thiết bị và khu vực lưu chứa:

Bố trí các thùng nhựa đựng CTNH, CTCNPKS (dung tích khoảng 200lít/thùng) có nắp đậy và được dán nhãn, phân loại chất thải, lưu giữ tại khu lưu chứa CTNH, CTCNPKS đặt trong nhà tập kết chất thải với tổng diện tích 50m². Khu vực lưu giữ CTNH có diện tích khoảng 17m², được ngăn cách xung quanh bằng vách tôn (tường bao xung quanh cao 3,3m, nền bê tông, mái lợp tôn) đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Biện pháp thu gom, xử lý:

Toàn bộ CTNH, CTCNPKS phát sinh được phân định, phân loại, lưu giữ tại khu vực lưu chứa; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):

2.2.1. Thiết bị lưu chứa và khu vực lưu chứa:

Bố trí bao bì, thùng đựng (có dung tích, chất liệu phù hợp) để thu gom tại khu vực nhà xưởng. Sau đó, được tập kết tại ngăn chứa CTCRCNTT có diện tích 16,5m² đặt trong nhà tập kết chất thải (tổng diện tích 50m²).

2.2.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

- Đối với CTCRCNTT có khả năng tái chế như: bìa catong, các phụ tùng thay thế phần máy, gầm, đầu mẫu sắt vụn thừa không bám dính dầu mỡ...: định kỳ 01 tháng/lần bán phế liệu.

- Đối với CTRCNTT không có khả năng tái chế như: dây nhựa, sảm lớp ô tô, mút, da, xốp,...: Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với bùn cặn từ bể tự hoại: Hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Bùn cặn nạo vét tại các hồ gas của mương thoát nước mưa được tái sử dụng vào khu vực trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị và khu vực lưu chứa:

- Bố trí các thùng có dung tích, chất liệu phù hợp đặt tại các khu vực nhà, xưởng,... để thu gom phân loại theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và quy định của địa phương; đưa về lưu chứa, tập kết vào 03 thùng (dung tích khoảng 250lít/thùng) tại ngăn chứa CTRSH có diện tích 16,5m² đặt trong nhà tập kết chất thải (tổng diện tích 50m²).

2.3.2. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom, phân loại, xử lý như sau:

+ Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng: định kỳ bán cho đơn vị thu mua phế liệu.

+ Chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại được thu gom, lưu giữ riêng từng loại, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng cháy chữa cháy theo hồ sơ được Phòng Cảnh sát PCCC&CHCN - Công An tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 84/TD-PCCC ngày 14/07/2023.

- Thiết kế và lắp đặt hệ thống báo cháy theo TCVN 5738-2000.

- Định kỳ tổ chức diễn tập về PCCC cho cán bộ, công nhân nắm vững phương pháp xử lý sự cố và nghiệp vụ phòng chống cháy nổ;

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ Chủ dự án huy động lực lượng tại chỗ của đơn vị và kết hợp với lực lượng của địa phương để ứng cứu.

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố mưa bão, ngập lụt

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra, sửa chữa, tu bổ, chằng chống lại nhà cửa, công trình công cộng, chống cây xanh, cột đèn; chặt cành cây gần khu vực đường dây tải điện, trạm biến áp để đề phòng cây đổ; khi gió to có thể cắt điện để phòng chập cháy.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của Công ty, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định trong việc sử dụng từng thiết bị máy móc trong Showroom.

- Khi có sự cố hoặc nghi ngờ về thiết bị có sự cố xảy ra thì công nhân phải báo ngay cho người quản lý để kịp thời có phương án xử lý.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, huấn luyện, kiểm tra và nhắc nhở người lao động chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định về an 4 toàn lao động, vệ sinh lao động trong đơn vị.

- Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm nêu trên để cải thiện môi trường lao động. Trang bị đầy đủ và nhắc nhở công nhân sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động trong quá trình hoạt động sản xuất, như: khẩu trang, nút bịt tai chống ồn, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ,...

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác: Thực hiện đầy đủ các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. CÁC NỘI DUNG DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Hạng mục công trình và yêu cầu về bảo vệ môi trường chưa hoàn thiện gồm có: hệ thống thu gom nước mưa, hệ thống thu gom nước thải của hạng mục Showroom trưng bày (2B) theo Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Showroom ô tô PGS Hà Tĩnh” tại xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, đề nghị Công ty TNHH đầu tư PGS Hà Tĩnh tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Giai đoạn xây dựng bổ sung các hạng mục nêu tại phần A Phụ lục này: Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn, bụi, khí thải) theo Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Showroom ô tô PGS Hà Tĩnh” tại xã Thạch Long, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Quản lý chất thải trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chuyển giao chất thải không có khả năng tự xử lý cho các cơ sở có chức năng phù hợp theo quy định; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đối với các chất thải phát sinh mà không tự xử lý được tại cơ sở thì phải thực hiện việc chuyển giao cho đơn vị xử lý có chức năng phù hợp.

- Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật bảo vệ môi trường 202s0 và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tuân thủ, thực hiện nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, về quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý bụi và khí thải; chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động theo đúng nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt theo Giấy phép này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH